



Ký bởi **TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO**
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
PHÚ THỌ

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ LẬP THẠCH
(Kèm theo Nghị quyết số: 85 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa
1	Đường tỉnh lộ 307	Nút giao với ĐT 305 - ĐT 306	Đường rẽ vào Nhà văn hóa Phú Lâm	9.350	5.000	2.800	6.900	3.700	2.100	5.100	2.700	1.500	Tờ số 38	66; 120	Tờ số 16	Thửa 73; 57
		Đường rẽ vào Nhà văn hóa Phú Lâm	Cầu Nóng	6.600	3.900	2.200	4.000	2.300	1.300	3.300	1.900	1.100	Tờ 15; 16	131; 43	Tờ 7	9; 8
		Nút giao với ĐT 305 - ĐT 306	Đường Vành đai	9.350	5.000	2.800	5.900	3.100	1.800	4.700	2.500	1.400	Tờ bản đồ 38	83; 66	Tờ bản đồ 20	181; 4
		Đường Vành đai	Hết nhà ông Trần Văn Sinh	6.050	3.300	2.200	3.600	2.000	1.300	3.000	1.600	1.100	Tờ số 12	66; 75		
		Hết nhà ông Trần Văn Sinh	Hết địa phận xã Lập Thạch	3.300	1.700	1.000	2.000	1.000	600	1.700	900	500			Tờ 45	83
2	Đường tỉnh lộ 305	Nút giao với ĐT 307 - ĐT 306	Hết Trường THCS Lập Thạch	9.350	5.000	2.800	5.600	3.000	1.700	4.700	2.500	1.400	Tờ 38	120; 135	Tờ 59	126; 128
		Hết Trường THCS Lập Thạch	Ngã 3 rẽ vào TT dạy nghề đi Long Cương, Công ty Lợi Tín	8.250	4.400	2.800	5.000	2.700	1.700	4.100	2.200	1.400	Tờ 59	147; 138	Tờ 87	13
		Ngã 3 rẽ vào TT dạy nghề đi Long Cương, Công ty Lợi Tín	Hết địa phận xã Lập Thạch	4.400	2.200	1.300	3.200	1.600	1.000	2.400	1.200	700	Tờ bản đồ 46	47	Tờ bản đồ 46	177
3	Đường tỉnh lộ 306	Nút giao với ĐT 307 - ĐT 305	Đỉnh Thạc Trục	8.250	4.400	2.800	6.100	3.300	2.000	4.500	2.400	1.500	Tờ 38	83; 135	Tờ 40	79; 96
		Đỉnh Thạc Trục	Cây xăng Từ Du	5.500	3.000	1.700	4.000	2.200	1.200	3.000	1.600	900	Tờ 40	86; 97		
		Cây xăng Từ Du	Hết địa phận xã Lập Thạch	3.960	2.000	1.200	2.900	1.500	900	2.200	1.100	700			Tờ bản đồ 44	382
		Từ ngã tư Trường Ngô Gia Tự	Đến ngã tư đường đi TT dạy nghề đi Long Cương, Công ty Lợi Tín	6.600	3.300	2.200	4.800	2.400	1.600	3.600	1.800	1.200	Tờ 59; 48	17; 155	Tờ 72	84; 92
		Đến ngã tư đường đi TT dạy nghề đi Long Cương, Công ty Lợi Tín	Hết địa phận xã Lập Thạch	5.500	3.300	1.700	4.000	2.400	1.200	3.000	1.800	900	Tờ 72; 77	96; 7	Tờ 81; 77	9; 48
4	Tuyến đường từ Ngã 5 Ngô Gia Tự đi đường tỉnh lộ 306	Từ Trường Ngô Gia Tự	Đến hết trường THCS chất lượng cao	4.400	2.800	1.700	3.200	2.000	1.200	2.400	1.500	900	Tờ 60; 49	7; 194	Tờ 51	110; 160
		Đến hết trường THCS chất lượng cao	Đến Nhà văn hóa TDP Thạc Trục (cũ)	2.750	1.700	1.100	1.900	1.100	900	1.500	900	700	Tờ 51	111; 92	Tờ 51	51; 63
5	Đoạn đường từ ngã ba (cổng trường cấp III Ngô Gia Tự) đi đến xã Từ Du (qua khu đầu giá Giếng Chùa)	Cổng trường cấp III Ngô Gia Tự	Qua khu đầu giá Giếng Chùa	3.850	2.200	1.200	2.300	1.300	700	1.900	1.100	600	Tờ 60	5; 6	Tờ 69; 70	65; 82
		Qua khu đầu giá Giếng Chùa	Đường ĐT 306	3.850	2.200	1.200	2.300	1.300	700	1.900	1.100	600				
6	Đoạn từ cổng chợ số 1 TT Lập Thạch đến tiếp giáp đường 307 (ngã tư lồi vào sân vận động Lập Thạch)	Từ cổng chợ số 1 TT Lập Thạch	Đến tiếp giáp đường 307 (ngã tư lồi vào sân vận động Lập Thạch)	9.350	5.500	3.300	5.600	3.300	2.000	4.700	2.800	1.700	Tờ 38	82; 44	Tờ 38	17; 51
7	Đất hai bên đường nối từ TL307 qua Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện đến nhà Trang Thoại	Đường TL 307	Nhà Trang Thoại	5.500	2.800	1.700	3.300	1.700	1.000	2.800	1.400	800	Tờ 25	108; 109	Tờ 34	162; 13
8	Đoạn từ Cây xăng 132 qua Trường tiểu học thị trấn đến ngã tư tiếp giáp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện cũ	Cây xăng 132	Ngã tư tiếp giáp Trung tâm bồi dưỡng chính trị	4.400	2.200	1.300	2.600	1.300	800	2.200	1.100	700	Tờ 59	52; 51	Tờ 35	8; 181
9	Đoạn đường từ đường từ Cây xăng 132 qua Trường tiểu học thị trấn đến ngã tư tiếp giáp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện đến Đoạn đường từ ĐT 306 đến hết Công ty Lợi Tín	Đoạn đường từ Cây Xăng 132 qua Trường tiểu học thị trấn đến ngã tư tiếp giáp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện cũ	Đoạn đường từ ĐT 306 đến hết Công ty Lợi Tín	5.500	2.800	1.700	3.300	1.700	1.000	2.800	1.400	800	Tờ 47	31; 47	Tờ 56; 57	26; 137
10	Đoạn đường từ Đoạn từ tiếp giáp đường tỉnh 307 đi công Lâm trường Lập Thạch đến sau Ngân hàng huyện Lập Thạch (tuyến đường mới mở)	Đoạn từ tiếp giáp đường tỉnh 307 đi công Lâm trường Lập Thạch	Đến sau Ngân hàng Lập Thạch	3.850	2.200	1.200	2.800	1.600	800	2.100	1.200	600	Tờ 26	105; 73	Tờ 25	44; 180
11	Đường nối từ TL 307 đi Đỉnh Thạc Trục (tuyến đường đôi trước cổng Công an huyện)	Đường tỉnh lộ 307	Đường tỉnh lộ 306	8.250	4.400	2.800	5.000	2.700	1.700	4.100	2.200	1.400	Tờ 29	4; 26	Tờ 40	72; 79
12	Đoạn từ cổng chợ số 2 đi đến quán nhà Đông Năm	Từ cổng chợ số 2	Đến quán nhà Đông Năm	9.350	5.000	2.800	5.600	3.000	1.700	4.700	2.500	1.400	Tờ 38	113	Tờ 29	88; 104
13	Đoạn từ ngã ba cổng chợ số 3 đi TDP Hưng Thịnh	Từ ngã ba cổng chợ số 3	Đi TDP Hưng Thịnh	4.400	2.200	1.300	3.100	1.600	900	2.300	1.200	700	Tờ bản đồ 39	138; 146	Tờ bản đồ 50	97; 73
14	Đoạn đường từ tỉnh lộ 305 (cổng ông Dung) đi Tân Lập	Đường tỉnh lộ 305	Đoạn từ ngã tư tỉnh lộ 307 đi Như Thụy	6.600	3.300	2.000	4.000	2.000	1.200	3.300	1.700	1.000	Tờ bản đồ 79	44; 14	Tờ bản đồ 22	44; 17
15	Đoạn đường từ TL305 qua TT dạy nghề đi Long Cương, Công ty Lợi Tín đến hết địa phận xã Lập Thạch	Đường tỉnh lộ 305	Hết địa phận xã Lập Thạch	7.150	3.600	2.100	5.400	2.700	1.600	4.000	2.000	1.200	Tờ 83	112	Tờ bản đồ 64	43; 39
16	Đoạn tỉnh lộ 307 (nhà ông Lập Hậu) đi tỉnh lộ 306 (Đội Quản lý thị trường).	Đường tỉnh lộ 307	Đường tỉnh lộ 306	9.350	5.000	2.800	5.600	3.000	1.700	4.700	2.500	1.400	Tờ 37	17; 18	Tờ bản đồ 48	154
17	Đoạn đường phía sau trụ sở UBND thị trấn Lập Thạch cũ từ ngã ba đến trường cấp III Ngô Gia Tự	Đường tỉnh lộ 306	Trường cấp III Ngô Gia Tự	6.050	3.900	2.200	3.600	2.300	1.300	3.000	1.900	1.100	Tờ bản đồ 38	140; 141	Tờ bản đồ 49	196; 186
18	Đường vành đai xã Lập Thạch từ TL 307 (nhà bà Năm) qua Công ty thủy lợi Lập Thạch nối vào đường TL 307	Đường tỉnh lộ 307	Đường tỉnh lộ 307	5.500	2.800	1.700	3.300	1.700	1.000	2.800	1.400	800	Tờ bản đồ 15	23; 11	Tờ 20; 12	181; 66
19	Đường từ Công ty Thủy Lợi Lập Thạch đi Hồ Văn Trục (Đường mới)	Hết địa phận Xuân Hòa cũ	Hồ Văn Trục	3.300	1.700	1.000	2.100	1.100	600	1.700	900	500	Tờ bản đồ 69	26,3	52	44,45

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa
20	Đoạn từ ngã tư tỉnh lộ 307 đi tỉnh lộ 306 (theo kênh)	Đường tỉnh lộ 307	Đường tỉnh lộ 306	3.300	2.200	1.100	2.000	1.300	900	1.700	1.100	800	Tờ 20; 12	4; 15	Tờ bản đồ 52	Thửa đất số 7
21	Đoạn từ ngã tư tỉnh lộ 307 đi Như Thủy (đường vào bệnh viện)	Đường tỉnh lộ 307	Hết địa phận xã Lập Thạch	4.400	2.800	1.700	3.200	1.600	1.200	2.400	1.200	900	Tờ 15	32; 58	Tờ bản đồ 22	28
22	Đoạn từ tiếp giáp đường tỉnh 307 đi công Lâm trường Lập Thạch	Đường tỉnh lộ 307	Cổng Lâm trường Lập Thạch	4.950	2.800	1.500	3.300	1.800	1.000	2.500	1.400	800	Tờ bản đồ 16	58; 59	Tờ bản đồ 16	16
23	Đoạn từ tiếp giáp đường tỉnh 307 đi Nhà văn hóa TDP Phú Lâm	Đường tỉnh lộ 307	Nhà văn hóa TDP Phú Lâm	4.950	2.500	1.500	3.300	1.700	1.000	2.500	1.300	800	Tờ 15; 16	131; 73	Tờ bản đồ 24	43
24	Đường Ngọc Mỹ, Quang Sơn (từ đường tỉnh 307 đến QL2C)	Đường tỉnh lộ 307	Hết địa phận xã Lập Thạch	2.200	1.100	700	1.700	900	500	1.200	600	400	Tờ bản đồ 37,31,25			
25	Đường nối từ đường Hợp Châu - Đồng Tỉnh đi xã Lập Thạch	Đoạn từ ngã tư tỉnh lộ 307 đi tỉnh lộ 306 (theo kênh)	Hết địa phận xã Lập Thạch	3.850	1.900	1.200	2.500	1.500	800	1.900	1.400	600	Tờ bản đồ 78	34	Tờ 83	
26	Đường nối từ TL 305 đến cầu Bì Lả (đường 24m)	Đường tỉnh lộ 305	Hết địa phận xã Lập Thạch	3.850	2.000	1.200	2.300	1.200	700	1.900	1.000	600				
27	Tuyến đường từ Thôn Ngọc Hoa đi cầu Thia đến tiếp giáp địa phận xã Văn Trục cũ theo đường bờ kênh	Tiếp giáp đường vành đai	Tiếp giáp địa phận thôn rừng Chám	1.100	800	600	800	600	400	600	500	300	Tờ 72	Thửa 437	Tờ 53	Thửa 85
28	Tuyến đường từ tiếp giáp bờ kênh thôn Đồng Quyền đi xã Thái Hòa	Bờ kênh thôn Đồng Quyền	Hết địa phận xã Lập Thạch	1.100	800	600	800	600	400	600	500	300	Tờ 82	Thửa 111	Tờ 77	Thửa 57
29	Đường từ ngã ba ba hàng đi xã Liên Hòa	Ngã ba Ba Hàng	Hết địa phận xã Lập Thạch	1.100	800	600	800	600	400	600	500	300	Tờ 44	Thửa 94	Tờ 23	Thửa 40
30	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Thủy qua thôn Vinh Hoa đến xã Thái Hòa	Nhà ông Nguyễn Văn Thủy	Hết địa phận xã Lập Thạch	1.100	800	600	800	600	400	600	500	300	Tờ 28	Thửa 290	Tờ 02	Thửa 02
31	Đường từ trường Mầm non Từ Du đi Tiên Lữ	Mầm Non Từ Du	Hết địa phận xã Lập Thạch	1.100	800	600	800	600	400	600	500	300	Tờ 41	Thửa 574	Tờ 53	Thửa 146
32	Đường từ ngã ba Từ Du đi Tiên Lữ	Ngã ba Từ Du	Đường 24m	1.100	800	600	800	600	400	600	500	300	Tờ 42	Thửa 83	Tờ 65	Thửa 29
33	Đường từ Công ty Thủy Lợi Lập Thạch đi Hồ Văn Trục đến xã Hợp Lý	Từ Công ty thủy lợi	Xã Hợp Lý	1.100	800	600	800	600	400	600	500	300	Tờ 6	Thửa 258	Tờ 17	Thửa 39
34	Đường Trạm bơm Tân Lập cũ (Xã Tam Sơn) đi Hồ Văn Trục	Trạm bơm Tân Lập cũ (xã Tam Sơn)	Xã Tam Sơn	1.100	800	600	800	600	400	600	500	300	Tờ 63	163	Tờ 23	Thửa 01
35	Khu đầu giá Phú Chiên 1, 2	Đoạn đường nối từ đường Huyện ủy - Thanh Xuân qua khu đầu giá Phú Chiên 1 đến Kho Bạc Nhà nước huyện Lập Thạch		18.700			11.200			9.400			Tờ 27	20	Tờ 17;19	4;9
		Đường vành đai qua khu đầu giá Phú Chiên 1, 2 từ ngã Tư tỉnh lộ 307 Đến hết khu đầu giá Phú Chiên 1		18.700			11.200			9.400						
		Đoạn đường Huyện ủy - Thanh Xuân qua khu đầu giá Phú Chiên 1, 2		27.500			16.500			13.800			Tờ bản đồ 18	108	Tờ bản đồ 19	119
		Đường nội khu đầu giá Phú Chiên 1,2		9.900			5.900			5.000			Tờ bản đồ 9;10;18;19			
		Khu TĐC thuộc khu Phú Chiên 2 phục vụ GPMB các dự án tại thị trấn Lập Thạch cũ		18.700			11.200			9.400						
		Khu TĐC thuộc khu Phú Chiên 1 phục vụ GPMB các dự án tại thị trấn Lập Thạch cũ		9.900			5.900			5.000						
36	Khu đầu giá Giếng Chùa	Đoạn tiếp giáp ngã 5 Ngõ Gia Tự đi Từ Du		14.300			8.600			7.200						
		Tiếp giáp đường nội khu đầu giá Giếng Chùa		7.150			4.300			3.600						
37	Khu đất đầu giá Gò Lau TDP Tân Phú, thị trấn Lập Thạch cũ			11.000			6.600			5.500						
38	Khu đất đầu giá QSDĐ và đất giãn dân tại xã Xuân Hòa cũ (khu Đồi Tròn, xã Xuân Hòa cũ)	Khu đầu giá Đồi Tròn tiếp giáp đường từ TL 307 đi Ngọc Mỹ, Quang Sơn		7.920			4.800			4.000			Tờ bản đồ 37			
		Đường nội khu đầu giá Đồi Tròn xã Xuân Hòa		3.300			2.000			1.700						
39	Khu đất đầu giá QSDĐ và đất giãn dân tại xã Xuân Hòa cũ (khu Rừng Toan, xã Xuân Hòa cũ)			4.400	3.300		2.600	2.000		2.200	1.700		Tờ 58,59			
40	Khu đầu giá QSDĐ Đồng Ngõ 1, 2 xã Từ Du (tiếp giáp TL 306) cũ	Ngã ba xã Từ Du	Đến giáp đê Đồng Ích	11.000			6.600			5.500			Tờ bản đồ 44			
41	Khu đầu giá QSDĐ Rừng Tu xã Từ Du (tiếp giáp TL 306) cũ	Từ thị trấn	Đến hết trụ sở UBND xã Từ Du (ngã ba) cũ	11.000			6.600			5.500			Tờ bản đồ 33			
42	Khu đầu giá QSDĐ đồng Xá Dưới xã Từ Du (Tiếp giáp TL 306)	Ngã ba xã Từ Du		8.800			5.300			4.400						
		Đường nội khu đầu giá		4.400			2.600			2.200			Tờ bản đồ 43			
43	Khu TĐC tại xã Từ Du phục vụ GPMB công trình đường nối từ đường Hợp Châu - Đồng Tỉnh đi thị trấn Lập Thạch	Đất trong khu dân cư		1.650			1.000			800						
44	Khu TĐC tại xã Từ Du phục vụ GPMB công trình Đường vành đai 2 vùng phía Tây đô thị Vinh Phúc, giai đoạn 01 (đoạn từ ĐT.305 đi ĐT.306)	Ngã ba xã Từ Du	Đến giáp đê Đồng Ích	8.800			5.300			4.400						
45	Khu đất giãn dân, đầu giá Đồng Giếng Tang, xã Văn Trục cũ (KH SDD)			7.700			4.600			3.900			Tờ bản đồ 58	388	Tờ bản đồ 59	404
46	Khu đầu giá QSDĐ Đồng Đồn, xã Văn Trục cũ	Tiếp giáp khu dân cư 2 bên đường từ Công ty Thủy lợi Lập Thạch đi Hồ Văn Trục		9.350			5.600			4.700			Tờ 58;64			
		Đường nội khu đầu giá QSDĐ		7.700			4.600			3.900			Tờ 58;64			
47	Tuyến từ hết Đăng ủy xã đi hết nhà Nghĩa Nghiệp rẽ trái đi đến đường vành đai (nhà Hòa Phong)	Khu đầu giá, tái định cư, đất dịch vụ thôn Hưng Thịnh		8.800	4.400		5.300	2.600		4.400	2.200					